

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP ĐẾN CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH: NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

● NGUYỄN TRỌNG NGUYÊN

TÓM TẮT:

Một trong những yếu tố có tính quyết định đến chất lượng kiểm toán là việc tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp (ĐĐNN) của kiểm toán viên (KTV) và doanh nghiệp kiểm toán (DNKT) trong quá trình thực hiện kiểm toán. Có nhiều nghiên cứu trước đây về sự tác động của ĐĐNN đến chất lượng kiểm toán. Khác với các nghiên cứu trước đây, nghiên cứu này đo lường việc tuân thủ chuẩn mực ĐĐNN thông qua các biến quan sát được xây dựng dựa trên các tình huống cụ thể được đặt ra dựa vào Bộ quy tắc ĐĐNN và các sự kiện, hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động kiểm toán trong hơn 10 năm qua tại Việt Nam và thế giới.

Bằng phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua bảng khảo sát gồm 33 câu hỏi được gửi đến 228 KTV đang làm việc tại các công ty kiểm toán khu vực TP. Hồ Chí Minh, kết quả nghiên cứu cho thấy Tính độc lập, Tính chính trực cũng như Năng lực chuyên môn và thận trọng của KTV và DNKT ảnh hưởng mạnh đến chất lượng cuộc kiểm toán so với tính khách quan, tính bảo mật và tư cách nghề nghiệp của KTV.

Từ khóa: đạo đức nghề nghiệp, chất lượng kiểm toán, kiểm toán báo cáo tài chính.

1. Đặt vấn đề

Loại hình doanh nghiệp kế toán độc lập (KTĐL) là loại hình kinh doanh dịch vụ mang tính đặc thù, khác với những loại hình doanh nghiệp khác trong nền kinh tế. Mục đích cuối cùng của doanh nghiệp KTĐL suy cho cùng là lợi nhuận, họ cần có doanh thu, cần có khách hàng, nhưng hoạt động của họ không vì những mục đích này mà bất chấp luật pháp, bất chấp uy tín nghề nghiệp. Trách nhiệm

của KTĐL luôn hướng tới là phục vụ số đông người sử dụng thông tin báo cáo tài chính (BCTC), là trách nhiệm xã hội, điều này được Nhà nước và xã hội thừa nhận. Tuy nhiên trong thực tế, còn rất nhiều công ty kiểm toán và KTV dù nhiều hay ít đã cố tình quên đi trách nhiệm xã hội của mình, từ đó dẫn đến chất lượng cuộc kiểm toán được đánh giá không cao.

Chất lượng kiểm toán BCTC lại phụ thuộc rất

nhiều yếu tố. Nếu nhìn nhận theo khía cạnh các yếu tố tạo nên chất lượng kiểm toán cho thấy có 2 yếu tố: yếu tố kỹ thuật và yếu tố con người. Con người, cụ thể là KTV đóng vai trò là nhân tố vận dụng các chuẩn mực kiểm toán trong quá trình kiểm toán. Để đảm bảo cuộc kiểm toán có chất lượng ngoài việc tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán, KTV cần năng lực xét đoán chuyên môn và tinh thần tuân thủ chuẩn mực nghề nghiệp. Điều này lại phụ thuộc rất nhiều vào đạo đức của KTV.

Với tầm quan trọng của ĐĐNN, hầu hết các quốc gia đều xây dựng bộ quy tắc nghề nghiệp kiểm toán dựa trên bộ quy tắc ĐĐNN của IFAC (Liên đoàn Kế toán quốc tế). Việc xây dựng quy tắc ĐĐNN cho tất cả các tình huống là điều không thể, do đó, IFAC đưa ra các nguyên tắc đạo đức cơ bản và cung cấp một khuôn khổ để KTV và DNKT áp dụng trong hoạt động nghề nghiệp kiểm toán. Năm nguyên tắc cơ bản là: Chính trực; Khách quan; Năng lực chuyên môn và thận trọng; Bảo mật và Tư cách nghề nghiệp. Riêng KTV độc lập cần đảm bảo nguyên tắc độc lập khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Trong hơn một thập niên gần đây, có nhiều nhà nghiên cứu quan tâm ĐĐNN ảnh hưởng đến CLKT, đặc biệt là các nước châu Á, phần nhiều bao gồm các nước đang phát triển. Tuy nhiên, các nghiên cứu này nghiên cứu ĐĐNN ở nhiều góc cạnh khác nhau. Kertarajasa et. al. (2019), bằng nghiên cứu thực nghiệm các yếu tố như: năng lực, kinh nghiệm, sự độc lập, tính thận trọng và chính trực ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán, kết quả nghiên cứu cho thấy kinh nghiệm và sự độc lập không ảnh hưởng đáng kể đến CLKT, các yếu tố còn lại đều ảnh hưởng cùng chiều đến CLKT. Tuy nhiên, nghiên cứu trước đó của Flayyeh (2014) xem xét sự tác động của tính chính trực, tính độc lập, chuyên môn, bảo mật đến chất lượng. Kết quả cho thấy mức độ ảnh hưởng của các yếu tố ĐĐNN đến CLKT theo mức độ giảm dần như sau: tính độc lập, tính chính trực, chuyên môn và bảo mật.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Chất lượng kiểm toán

Khái niệm CLKT được hiểu theo nhiều khía cạnh. Theo Sutton (1993), nguyên nhân dẫn đến việc không thống nhất định nghĩa về CLKT do có

nhiều sự khác biệt từ các bên liên quan tham gia thị trường quan tâm đến hoạt động kiểm toán. Các bên đều có quan điểm khác nhau về CLKT.

Dưới góc nhìn của KTV và DNKT, theo khuôn khổ về CLKT được ban hành 2013 bởi Ủy ban Kiểm toán và Dịch vụ đảm bảo Quốc tế (IAASB), một ủy ban thuộc Liên đoàn Kế toán quốc tế (IFAC) phân biệt các nhân tố chính có liên quan đến CLKT như: các yếu tố đầu vào, các yếu tố thuộc quy trình, yếu tố đầu ra, sự tương tác của các bên liên quan và bối cảnh. CLKT BCTC được đảm bảo khi KTV tuân thủ đầy đủ chuẩn mực nghề nghiệp, tuân thủ các quy trình, thủ tục kiểm toán do công ty kiểm toán quy định, đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, từ đó nâng cao uy tín với khách hàng và đảm bảo mục tiêu lợi nhuận của công ty.

2.2. Tính độc lập của kiểm toán viên

Sự độc lập của KTV là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao CLKT. Sự độc lập của KTV bao gồm độc lập về tư tưởng và độc lập về hình thức (IFAC, 2022). Theo Louwers, (2015), tính độc lập là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến CLKT. Độc lập về tư tưởng, KTV được kỳ vọng là khách quan và không phân biệt bằng cách tôn trọng tất cả các xét đoán chuyên môn trong kiểm toán BCTC.

Trong khi đó, độc lập về hình thức liên quan đến nhận thức của người sử dụng thông tin BCTC. Để duy trì tính độc lập, KTV và DNKT cần có những biện pháp giảm thiểu những nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập, bao gồm nguy cơ tư lợi, nguy cơ tự kiểm tra, nguy cơ về sự bào chữa, nguy cơ từ sự thân quen và nguy cơ bị đe dọa.

2.3. Tính chính trực

Nguyên tắc về tính chính trực yêu cầu tất cả KTV phải thẳng thắn và trung thực trong tất cả các mối quan hệ chuyên môn. Tính chính trực cũng yêu cầu việc hành xử một cách công bằng và đáng tin cậy. Tính chính trực của KTV không thể hiện cho bên thứ ba nghĩ rằng KTV đã bỏ sót hoặc che giấu những thông tin cần thiết mà việc bỏ sót hoặc che giấu đó có thể dẫn tới việc thông tin bị hiểu nhầm.

2.4. Tính khách quan

Nguyên tắc về tính khách quan yêu cầu tất cả KTV không để sự thiên vị, xung đột lợi ích hoặc ảnh hưởng không hợp lý của những đối tượng khác chi phối các xét đoán chuyên môn của mình.

2.5. Năng lực chuyên môn và tính thận trọng

Theo Mulyadi (2009), KTV có thể đạt được năng lực chuyên môn thông qua việc giáo dục kinh nghiệm. Năng lực chuyên môn ở đây không chỉ trong lĩnh vực kiểm toán mà còn là sự am hiểu trong những lĩnh vực hoạt động của khách hàng. Những am hiểu này sẽ làm tăng cường khả năng phát hiện sai sót, qua đó ảnh hưởng đến khả năng báo cáo các sai sót và làm tăng CLKT (Hammersley, 2006). Sự thận trọng bao gồm trách nhiệm hành động phù hợp với các yêu cầu của công việc một cách cẩn thận, kỹ lưỡng và kịp thời.

2.6. Tính bảo mật

KTV phải duy trì sự bảo mật thông tin ngay cả trong môi trường ngoài công việc, phải cảnh giác với rủi ro tiết lộ thông tin một cách không cố ý, đặc biệt đối với các đối tác thân thiết trong công việc hoặc đối với thành viên có quan hệ gia đình gần gũi hoặc trực tiếp. Việc bảo mật thông tin sẽ tạo lòng tin cho đơn vị được kiểm toán trong việc hợp tác cung cấp đầy đủ bằng chứng kiểm toán, góp phần nâng cao CLKT thông qua ý kiến của KTV.

2.7. Tư cách nghề nghiệp

Nguyên tắc về tư cách nghề nghiệp yêu cầu KTV phải tránh bất kỳ hành vi nào mà họ biết hoặc cần phải biết rằng sẽ làm giảm uy tín nghề nghiệp của mình. Đó là các hành vi khiến cho bên thứ ba phù hợp và có đầy đủ thông tin, sau khi xem xét các sự kiện và tình huống sẵn có cho KTV tại thời điểm đó, có thể kết luận một cách tương đối chắc chắn rằng những hành vi đó có ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín nghề nghiệp.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để đánh giá mức độ ảnh hưởng của ĐĐNN đến CLKT, nghiên cứu xem xét mô hình với biến phụ thuộc là CLKT (QA) và 6 biến độc lập, đó là: Tính độc lập (ID), Tính chính trực (IT), Tính khách quan (OJ), Năng lực chuyên môn và tính thận trọng (PD), Bảo mật (CF) và Tư cách nghề nghiệp (PB). Ngoài ra, có 3 biến kiểm soát: Giới tính, Kinh nghiệm làm việc và Loại doanh nghiệp.

Để xây dựng biến quan sát cho các biến trong mô hình, cách tiếp cận của nghiên cứu khi xây dựng biến quan sát, cụ thể như sau:

- *CLKT*: dựa vào các yếu tố đầu vào và các yếu tố thuộc quy trình theo quan điểm IFAC khi đo

lượng CLKT bao gồm 5 biến quan sát, như: kiến thức kinh nghiệm của KTV khi tham gia cuộc kiểm toán, quỹ thời gian, quy trình kiểm toán, quy trình kiểm soát chất lượng, việc tuân thủ chuẩn mực của KTV và DNKT (QA1 đến QA5).

- *Các biến độc lập về ĐĐNN*: để đo lường hành vi đạo đức, nghiên cứu dựa vào lý thuyết mô hình hành vi đạo đức của Kohlberg (1969) và Rest (1986). Kohlberg cho rằng sự phát triển đạo đức là một quá trình phát triển của nhận thức, nó bao gồm 6 giai đoạn thể hiện sự phát triển các cấp độ phát triển của đạo đức. Theo Rest, quá trình ra quyết định đạo đức là quá trình tâm lý được thực hiện qua bốn giai đoạn. Do đó, một hành vi được xem là vi phạm đạo đức không đơn thuần chỉ là không tuân thủ luật pháp, mà diễn ra trong từng tình huống. Trong nghiên cứu này, các biến quan sát về các nguyên tắc ĐĐNN dựa trên các tình huống từ Quy tắc ĐĐNN của TT70, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) các sự kiện và scandal về kiểm toán trong hơn 10 năm tại Việt Nam và trên thế giới. Cụ thể: Tính độc lập: gồm 6 biến quan sát (ID1 đến ID6); Tính chính trực 5 biến (IT1 đến IT5); Tính Khách quan 4 biến (OJ1 đến OJ4); Năng lực chuyên môn và thận trọng 5 biến (PD1 đến PD5); Bảo mật 4 biến (CF1 đến CF4); Tư cách nghề nghiệp 4 biến (PB1 đến PB4).

Dữ liệu nghiên cứu thu thập được thực hiện thông qua khảo sát các KTV tại các công ty kiểm toán độc lập có văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh. Tác giả dùng bảng câu hỏi gồm 33 biến quan sát để thu thập dữ liệu của 228 KTV bằng cách phát câu hỏi trực tiếp và gửi bảng câu hỏi online thông qua công cụ Google Doc. Bảng câu hỏi được thiết kế theo các phát biểu các tình huống cho từng biến quan sát với giá trị thang đo Likert 5 bậc. Các dữ liệu sau khi thu thập đã được làm sạch và xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0 để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu.

Dữ liệu khảo sát được kiểm định Cronbach's Alpha, kết quả loại 2 biến ID5 và IT5, do đó số liệu được phân tích trên 31 biến quan sát.

4. Kết quả và phân tích

Dữ liệu thu thập được kiểm định Cronbach's Alpha và phân tích khám phá (EFA), cho thấy đảm bảo độ tin cậy và giá trị thang đo. Kết quả phân tích

hồi quy với biến phụ thuộc là CLKT và 6 biến độc lập gồm: Tính độc lập, Tính chính trực, Tính khách quan, Năng lực chuyên môn và thận trọng, Bảo mật và Tư cách nghề nghiệp thể hiện phương trình hồi quy như sau:

$$QA = 0.442 + 0.203ID + 0.170PD + 0.092CF + 0.075PB + 0.096OJ + 0.194IT$$

Qua phương trình hồi quy cho thấy tất cả các nguyên tắc ĐĐNN đều ảnh hưởng đến CLKT, trong đó Tính độc lập (ID), Tính chính trực (IT) và Năng lực chuyên môn và thận trọng (PD) có ảnh hưởng nhiều đến CLKT.

Biến Tính độc lập được đo lường bởi các biến quan sát từ phía DNKT với mức trung bình chung là 3.56. Tuy nhiên, khi thương lượng về phí kiểm toán đặc biệt đối với những khách hàng quan trọng, DNKT chịu nhiều chi phối từ vấn đề này, qua đó cho thấy trong thực tế, DNKT dễ bị vi phạm nguy cơ do tư lợi có khả năng cao ảnh hưởng đến tính độc lập của KTV (mức trung bình ID1 chỉ đạt 2.57).

Biến Tính chính trực với mức trung bình chung là 3.77. Tuy nhiên, quá trình thu thập bằng chứng trong nhiều trường hợp KTV thu thập bằng chứng thích hợp không phải đơn thuần là dựa vào xét đoán của KTV mà KTV cho rằng bằng chứng này không vi phạm luật pháp (mức trung bình chung biến IT1 là 2.84). Điều này lý giải vì sao trong thực tế nhiều BCTC vẫn còn chứa đựng những sai sót trọng yếu khi ý kiến KTV là chấp nhận toàn phần.

Biến Năng lực chuyên môn và thận trọng với mức trung bình chung là 3.78. Khảo sát cho thấy, nhiều DNKT khi phân công KTV tham gia cuộc kiểm toán có ít hiểu biết về lĩnh vực, ngành nghề và các vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh của khách hàng (mức trung bình chung biến PD1 là 2.75).

Biến Tính khách quan với mức trung bình chung là 3.87, trong đó mức bình quân cao nhất là 4.21 (OJ4) mức thấp nhất là 3.55 (OJ2), phần nhiều KTV cho rằng trong trường hợp KTV có khả năng nguy cơ ảnh hưởng đến tính khách quan, mặc dù đã áp dụng có biện pháp bảo vệ cần thiết nhưng không thể loại trừ, KTV sẽ từ chối tham gia nhóm kiểm toán.

Biến Bảo mật với mức trung bình chung là 3.88, trong đó mức bình quân cao nhất là 4.25 (CF4) mức

thấp nhất là 3.42 (CF2), qua đó cho thấy hầu hết các DNKT đều xây dựng chính sách bảo mật và được thực thi trong thực tế. Bên cạnh đó, KTV hầu hết đều tuân thủ tính bảo mật ngay cả khi KTV nghỉ việc tại công ty kiểm toán hoặc khách hàng không còn là đối tác của DNKT.

Biến Tư cách nghề nghiệp với mức trung bình chung là 3.45. Biến PB2 có mức thấp nhất là 2.66, với kết quả này cho thấy khi đối mặt trước lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của DNKT, KTV có khả năng thực hiện hành vi trái pháp luật khi mà tình huống này khó ai có thể phát hiện được.

Với kết quả phân tích cho thấy thực trạng về vấn đề ĐĐNN của KTV và DNKT khi kiểm toán BCTC tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh còn những vấn đề tồn tại như sau:

- Với đặc thù là doanh nghiệp, hoạt động là vì lợi nhuận những hướng tới mục tiêu là phục vụ số đông người sử dụng thông tin BCTC, trong thực tế vẫn có nhiều doanh nghiệp sẵn sàng bỏ qua hoặc thực hiện các hành vi vi phạm đạo đức để đạt lợi ích của DNKT nếu hành vi này không vi phạm luật pháp.

- Các biến về ĐĐNN thể hiện mức trung bình thấp đều thuộc nhóm hành vi mà luật pháp không thể điều chỉnh, nó phụ thuộc nhiều vào thiện chí của DNKT hay KTV.

- Việc phân công KTV tham gia cuộc kiểm toán chủ yếu là có kiến thức và kinh nghiệm về nghề nghiệp (QA1 = 3.5), nhưng ít hiểu biết về lĩnh vực hoạt động của công ty khách hàng (PD1 = 2.75).

5. Kết luận và hàm ý

Hành vi vi phạm ĐĐNN là những hành vi được thực hiện để đạt được lợi ích của tổ chức nhưng đi ngược với lợi ích của xã hội và không được xã hội chấp nhận (Umpress & Bingham, 2011). Vì vậy để nâng cao CLKT, một mặt DNKT và KTV cần tuân thủ chuẩn mực kiểm toán, mặt khác cần phải nâng cao nhận thức trong việc thực hiện hành vi đạo đức phù hợp với yêu cầu của xã hội. Để đạt được điều này cần những giải pháp đồng bộ từ các bên liên quan.

Đối với doanh nghiệp kiểm toán: Lý thuyết Kohlberg cho thấy đạo đức và luật pháp không phải lúc nào cũng tương đồng với nhau, có những hành vi mặc dù không vi phạm luật pháp nhưng vi phạm hành vi đạo đức. Vì vậy, DNKT cần xây dựng môi

trường văn hóa và lan tỏa trong toàn bộ nhân viên trong doanh nghiệp về ĐĐNN hướng về lợi ích của công chúng, số đông người sử dụng thông tin BCTC.

- *Về tính độc lập của KTV*: DNKT cần có chính những chính sách duy trì tính độc lập trong quá trình kiểm toán sẽ giúp KTV đảm bảo sự xét đoán và đưa ra ý kiến một cách khách quan, vì vậy công ty kiểm toán cần có những biện pháp đảm bảo tính độc lập cho KTV khi tham gia cuộc kiểm toán.

- *Về năng lực chuyên môn*: Bên cạnh việc trang bị và cập nhật đào tạo kiến thức về nghề nghiệp cho KTV, công ty kiểm toán cần chú trọng việc phân công KTV khi tham gia kiểm toán cần có đầy đủ hiểu biết về lĩnh vực hoạt động của khách hàng được kiểm toán.

Đối với Nhà nước và Hiệp hội nghề nghiệp: Hiệp hội với vai trò giám sát hoạt động kiểm toán, cần tăng cường giám sát về tuân thủ quy tắc ĐĐNN do Bộ Tài chính ban hành, cụ thể đối với những quy tắc thuộc về trách nhiệm của DNKT. Thực tiễn nhiều năm qua, những sai phạm về hoạt động kiểm toán cũng như dữ liệu nghiên cứu này cho thấy những sai phạm liên quan đến ĐĐNN đều bắt nguồn từ môi trường văn hóa, chính sách của DNKT.

Công ty kiểm toán lớn thuộc nhóm Big4 luôn quan tâm đến uy tín và hình ảnh của doanh

nh nghiệp, vì vậy họ quan tâm đến chính sách và môi trường văn hóa toàn cầu về ĐĐNN. Với đặc thù tại Việt Nam, các DNKT quy mô vừa và nhỏ chiếm phần lớn, những doanh nghiệp này thường có xu hướng quan tâm nhiều đến lợi ích của DNKT và dẫn đến không tuân thủ các quy tắc ĐĐNN. Vì vậy, cần tăng cường trách nhiệm pháp lý đối với hoạt động kiểm toán để nâng cao trách nhiệm pháp lý. Với áp lực trách nhiệm pháp lý, các DNKT sẽ hướng khách hàng trong việc tuân thủ chuẩn mực, chế độ kế toán khi lập BCTC, góp phần nâng cao CLKT.

Đối với cơ sở đào tạo: Việc tuân thủ các các nguyên tắc ĐĐNN là một vấn đề thuộc về phát triển nhận thức của con người. Theo Kohlberg, quá trình phát triển nhận thức tập trung vào các xét đoán đạo đức và quá trình nhận thức của cá nhân khi họ đối mặt với các tình huống có nguy cơ dẫn đến vi phạm đạo đức. Kohlberg cho rằng, quá trình phát triển đạo đức qua 3 cấp độ được chia thành 6 giai đoạn từ nhận thức đơn giản đến phức tạp. Vì vậy, KTV phải có được nhận thức ĐĐNN từ khi còn học tập ở nhà trường. Các trường đào tạo về kiểm toán cần đưa học phần đào tạo về ĐĐNN như những môn học bắt buộc, để từng bước giúp phát triển về nhận thức nhằm phát triển ĐĐNN cho KTV tương lai ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Tài chính, Thông tư số 70/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015 V/v Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán.
2. A. Y. Kertarajasa, T. Marwa, & T. Wahyudi (2019). The Effect of Competence, Experience, Independence, Due Professional Care, And Auditor Integrity On Audit Quality With Auditor Ethics As Moderating Variable. *Journal of Accounting, Financial and Auditing Studies*, 5/1, 80-99.
3. Hammersley, (2006). Pattern Identification and Industr-Specialist Auditors, *The Accounting Review*, 81(2), 309-336.
4. H. Flayyeh (2014). The Ethical Rules of Auditing and the impact of compliance with the Ethical Rules on Auditing Quality. *International Journal of Research and Reviews in Applied Sciences*, 18, 1.
5. International Federation of Accountants - IFAC (2022). *Handbook of International Code of Ethics for Professional Accountants*. Croatia: IESBA.
6. L. Kohlberg (1969). Stage and sequence: The cognitive- developmental approach to socialization. In D. A. Golsin (Ed.), *Handbook of socialization theory and research* (pp. 347-480). Chicago: Rand McNally.

7. Louwers, Ramsay, Sinason, Strawser, Thibodeau. (2015). Auditing & Assurance Service. [Online] Available at <https://www.pwc.com/gx/en/services/audit-assurance.html>
8. Mulyadi (2009). Auditing. 6th Edition. Jakarta: Salemba Empat.
9. Rest (1986). Moral Development: Advances in Research and Theory. USA: Praeger.
10. Sutton, S. G. (1993). Toward an Understanding of the Factors Affecting the Quality of the Audit Process. Decision Sciences, 24, 88-105.
11. Umphress, E. E., & Bingham, J. B. (2011). When employees do bad things for good reasons: Examining unethical pro-organizational behaviors. Organization science, 22(3), 621-640.

Ngày nhận bài: 15/3/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 4/4/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 17/4/2024

Thông tin tác giả:

TS. NGUYỄN TRỌNG NGUYÊN

Trường Đại học Sài Gòn

IMPACTS OF PROFESSIONAL ETHICS ON THE QUALITY OF FINANCIAL STATEMENT AUDITS: AN EXPERIMENTAL STUDY IN HO CHI MINH CITY

● Ph.D **NGUYEN TRONG NGUYEN**
Saigon University

ABSTRACT:

One of the decisive factors in the quality of audits is the compliance of auditors and audit firms with professional ethics during the audit process. There are many studies on the impact of professional ethics on audit quality. Different from previous studies, this study measured the compliance of auditors and audit firms with professional ethics through observed variables that were based on specific situations set out by the code of professional ethics and violations over the past 10 years in Vietnam and around the world.

In this study, 33 questions were sent to 228 auditors working at auditing firms in Ho Chi Minh City to collect data. Quantitative research methods were used to analyze the collected data. The study's results showed that the independence, integrity, professional capacity, and prudence of auditors and audit firms strongly influence the quality of audits, compared to the objectivity, confidentiality, and professional style of auditors.

Keywords: professional ethics, audit quality, audit quality, financial statement audit.